

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG



BÁO CÁO
TƯƠNG TÁC NGƯỜI MÁY

XÂY DỰNG HỆ THỐNG WEBSITE CUNG CẤP THÔNG
TIN VỀ CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT

Sinh viên thực hiện

Hà Hoàng Khang	B1805768
Trần Lê Hoàng Tú	B1805831
Kim Thái Phong	B1805803
Danh Chí Bảo	B1805844

Giáo viên hướng dẫn:

ThS. Phạm Thị Ngọc Diễm

Cần Thơ, 05 tháng 12 năm 2021

Mục lục

CHƯƠNG I: MÔ TẢ HỆ THỐNG.....	1
1. Giới thiệu hệ thống.	1
2. Các nhóm người dùng của hệ thống.	1
CHƯƠNG 2: CÁC MÔ HÌNH	2
1. Mô hình trường hợp sử dụng – Sơ đồ usecase của người quản trị Website (Admin) (USECASE DIAGRAM).....	2
2. Mô hình trường hợp sử dụng – Sơ đồ usecase của người sử dụng bình thường (Khách vãng lai) (USECASE DIAGRAM).....	3
CHƯƠNG III: GIAO DIỆN HỆ THỐNG	4
1. Giao diện người dùng (Khách vãng lai).....	4
1.1. Giao diện trang chủ của website.....	4
1.2. Giao diện trang tìm kiếm	4
1.3. Giao diện trang thông tin chi tiết loài vật	6
1.4. Giao diện trang About	6
2. Giao diện người quản trị (Admin)	7
2.1. Giao diện quản lý phân cấp sinh học	7
2.2. Giao diện quản lý thông tin loài vật.....	8
CHƯƠNG IV. KẾT LUẬN.....	11
1. Kết quả đạt được.....	11
2. Hướng phát triển.	11
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	12

Mục lục hình ảnh

Hình 1 Sơ đồ usecase của Admin	2
Hình 2 Sơ đồ usecase của người dùng bình thường.....	3
Hình 3 Trang chủ	4
Hình 4 Tìm kiếm nhanh	5
Hình 5 Tìm nâng cao.....	5
Hình 6 Chi tiết loài vật.....	6
Hình 7 Trang About	7
Hình 8 Giao diện quản lý phân cấp sinh học	8
Hình 9 Thêm một họ mới.....	8
Hình 10 Giao diện quản lý chi tiết loài	9
Hình 11 Giao diện cập nhật một loài	9
Hình 12 Giao diện thêm mới một loài	10

CHƯƠNG I: MÔ TẢ HỆ THỐNG

1. Giới thiệu hệ thống.

Công nghệ thông tin đã ngày càng trở lên phổ biến và hữu dụng trong cuộc sống hiện nay. Đặc biệt đó là những sản phẩm phần mềm được tạo ra để phục vụ nhu cầu của con người và đem lại nhiều lợi ích tích cực cho người dùng. Trong đó có các sản phẩm phần mềm quản lý đã giúp con người tổ chức xử lý các công việc tra cứu, truy vấn trở nên đơn giản, nhanh chóng và chính xác hơn.

Cũng vì lý do đó nên “Website BuffaPoo – Website cung cấp thông tin về các loài động vật” được ra đời. Website sẽ giúp người dùng có thể thực hiện mọi công việc trong việc tra cứu, tìm kiếm các thông tin về các loài động vật.

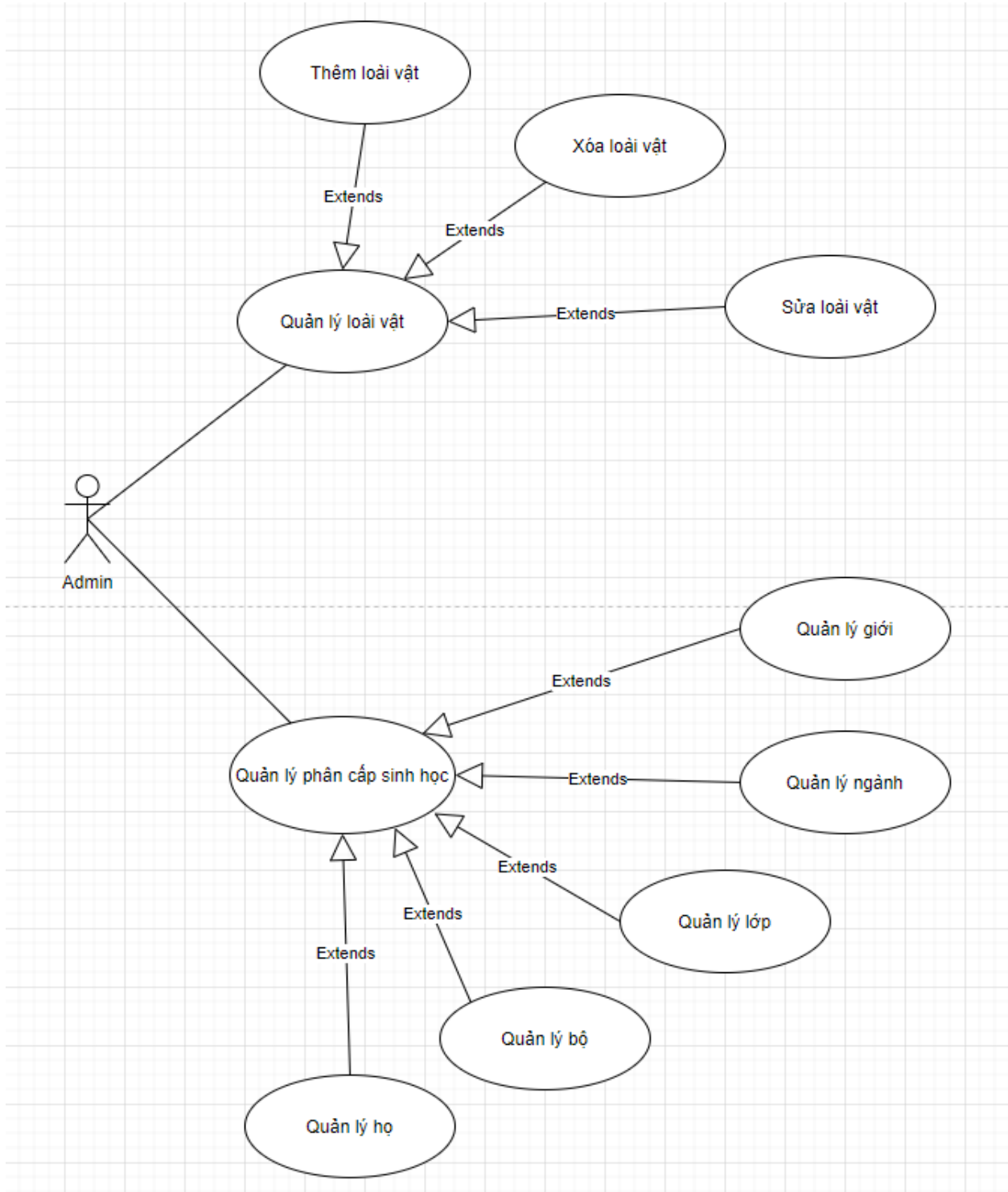
Thông qua Website này nhóm chúng em muốn nâng cao sự hiểu biết của mình về lĩnh vực công nghệ thông tin nói chung, cũng như khả năng thiết kế giao diện phần mềm, xây dựng chương trình bằng kỹ thuật lập trình của mình nói riêng.

2. Các nhóm người dùng của hệ thống.

Những người quản trị Website (Admin), người dùng bình thường (khách vãng lai) có nhu cầu tìm hiểu thông tin về các loài động vật.

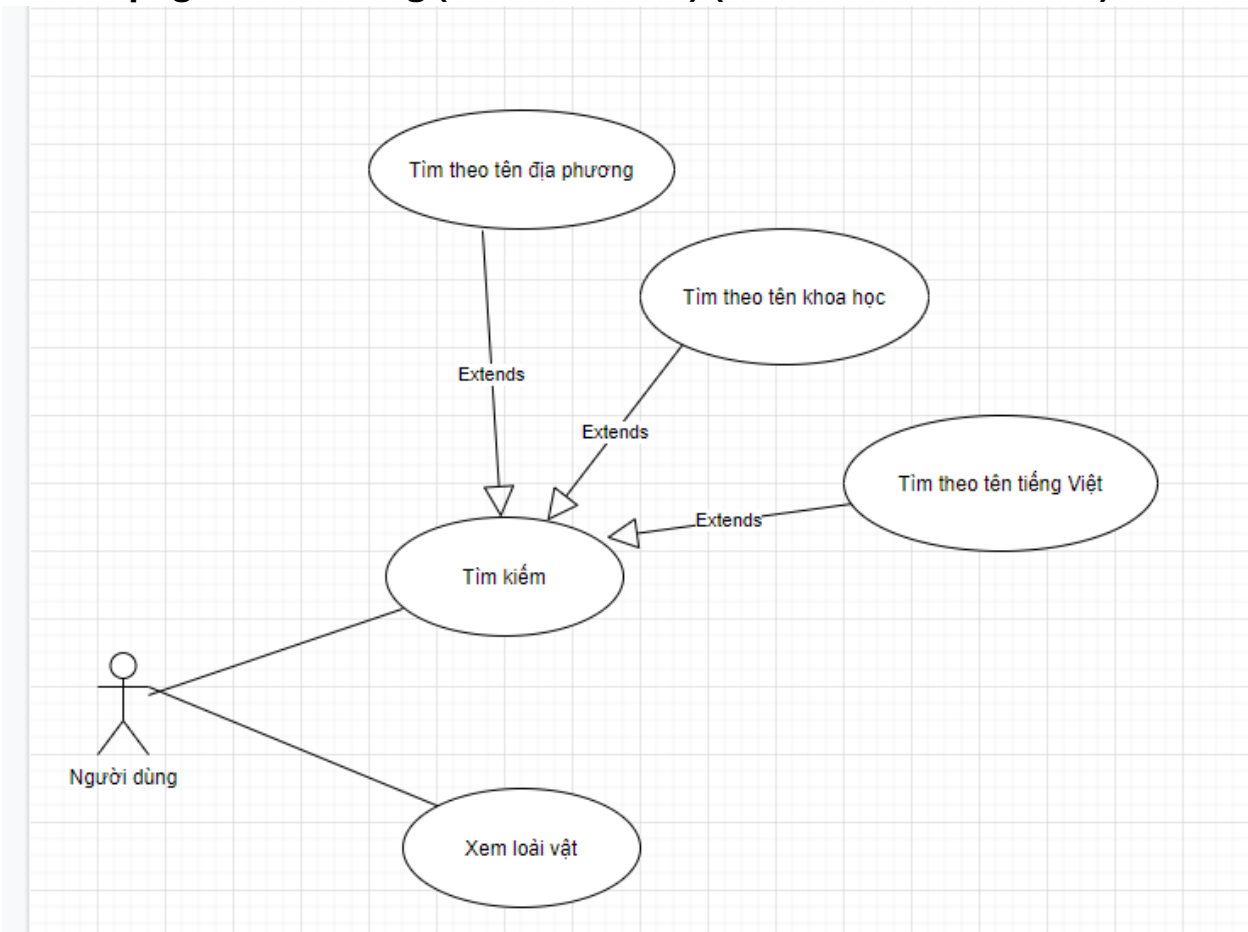
CHƯƠNG 2: CÁC MÔ HÌNH

1. Mô hình trường hợp sử dụng – Sơ đồ usecase của người quản trị Website (Admin) (USECASE DIAGRAM)



Hình 1 Sơ đồ usecase của Admin

2. Mô hình trường hợp sử dụng – Sơ đồ usecase của người sử dụng bình thường (Khách vãn lai) (USECASE DIAGRAM)



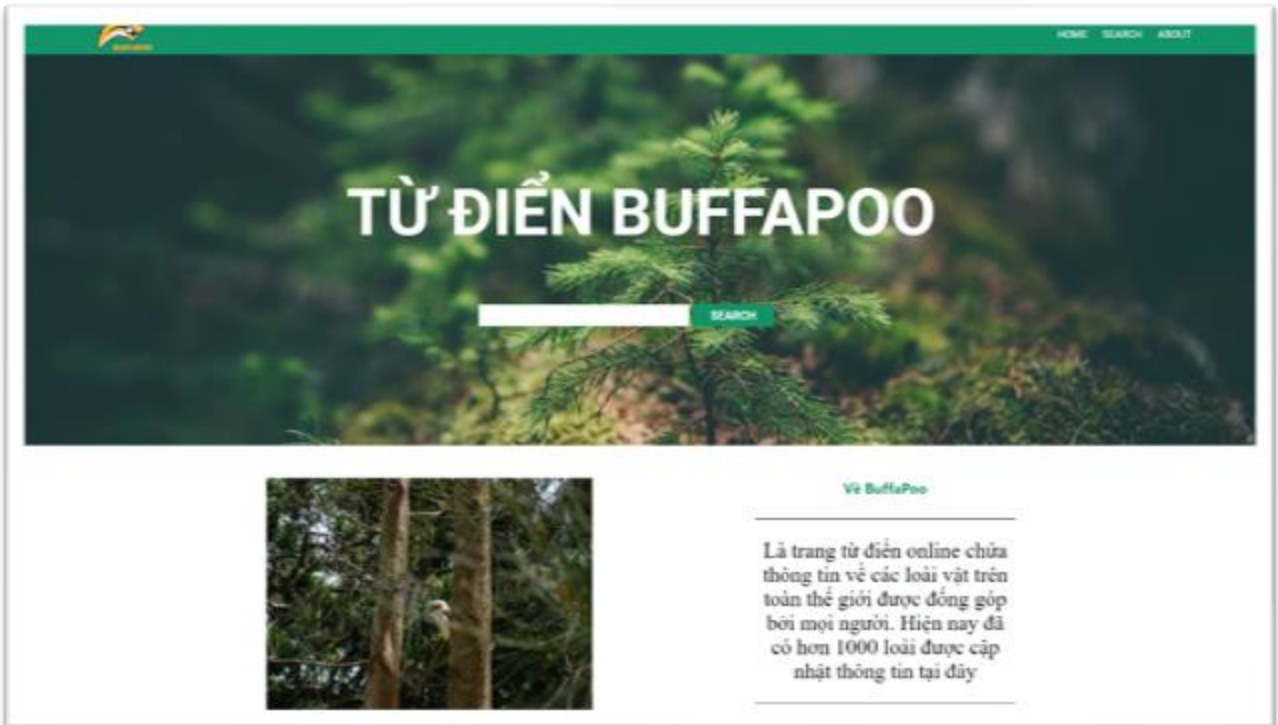
Hình 2 Sơ đồ usecase của người dùng bình thường

CHƯƠNG III: GIAO DIỆN HỆ THỐNG

1. Giao diện người dùng (Khách vãng lai)

1.1. Giao diện trang chủ của website

Giao diện trang chủ của Website cung cấp thông tin về các loài động vật. Sau khi người dùng truy cập vào Website, thì người dùng sẽ thấy trang chủ của Website sẽ xuất hiện đầu tiên.

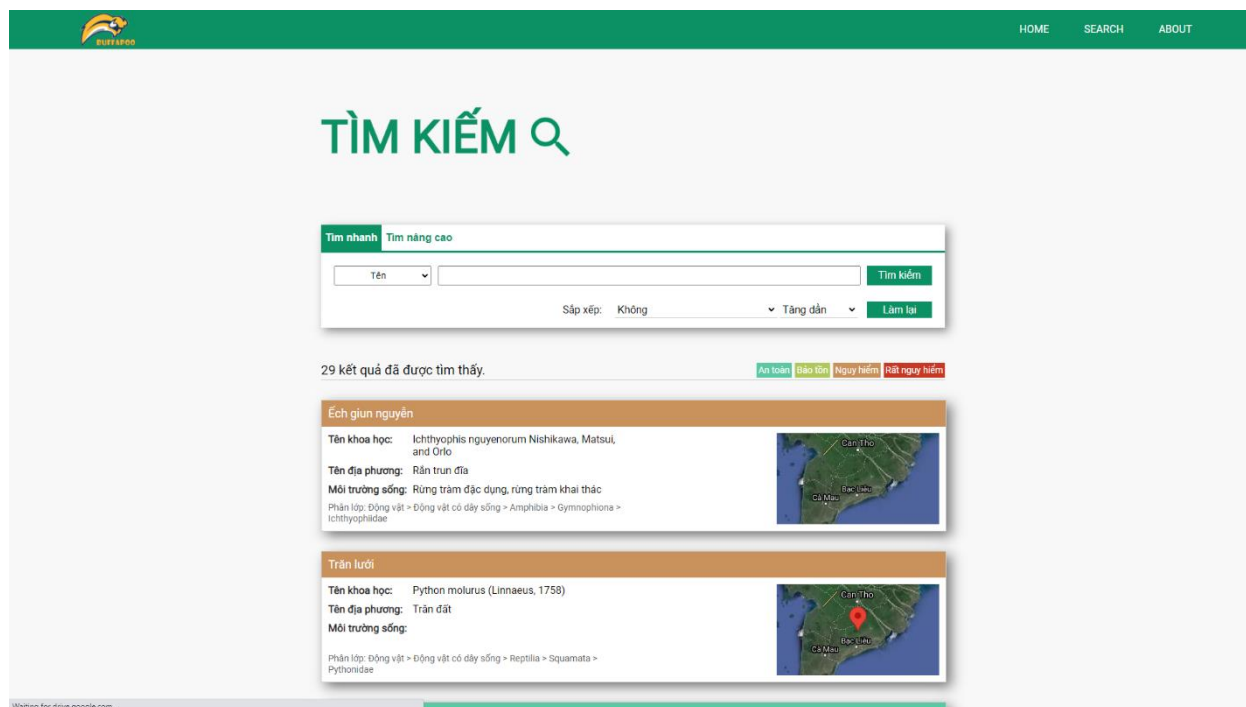


Hình 3 Trang chủ

1.2. Giao diện trang tìm kiếm

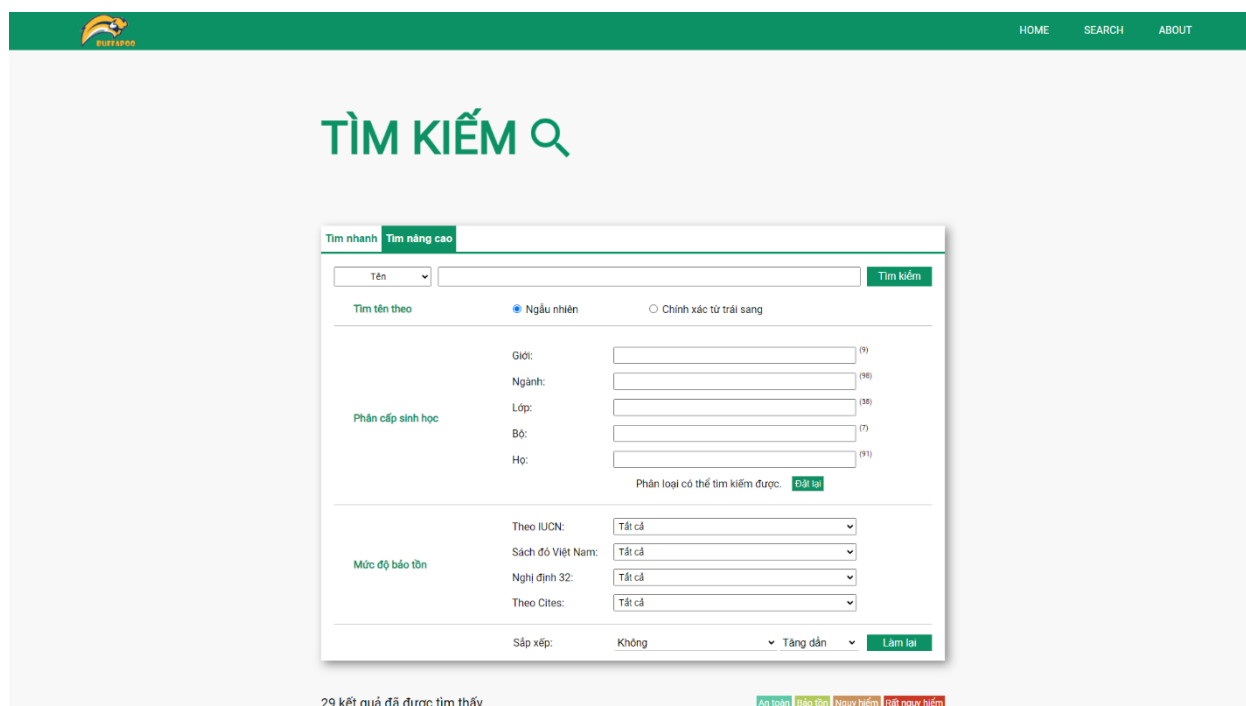
a. Giao diện trang tìm kiếm nhanh

Giao diện trang tìm kiếm nhanh. Sau khi người dùng nhấn vào nút “SEARCH” ở góc trên bên phải hoặc ở chính giữa giao diện trang chủ của Website thì Website sẽ đưa người dùng đến trang tìm kiếm nhanh với các thông số.



Hình 4 Tìm kiếm nhanh

b. Giao diện trang tìm kiếm nâng cao



Hình 5 Tìm nâng cao

1.3. Giao diện trang thông tin chi tiết loài vật

Giao diện trang thông tin chi tiết loài vật cung cấp toàn bộ thông tin của loài vật mà từ điển có cho người dùng.

Tên Loài

Trong sinh học, tên (bao gồm tên thông thường, tên khoa học, tên địa phương) là một đơn vị phân loại hoặc sinh vật

TÊN KHOA HỌC Python molurus (Linnaeus, 1758)	TÊN TIẾNG VIỆT Trăn lưỡi	TÊN ĐỊA PHƯƠNG Trăn đất
--	------------------------------------	-----------------------------------

Bậc Phân Loại

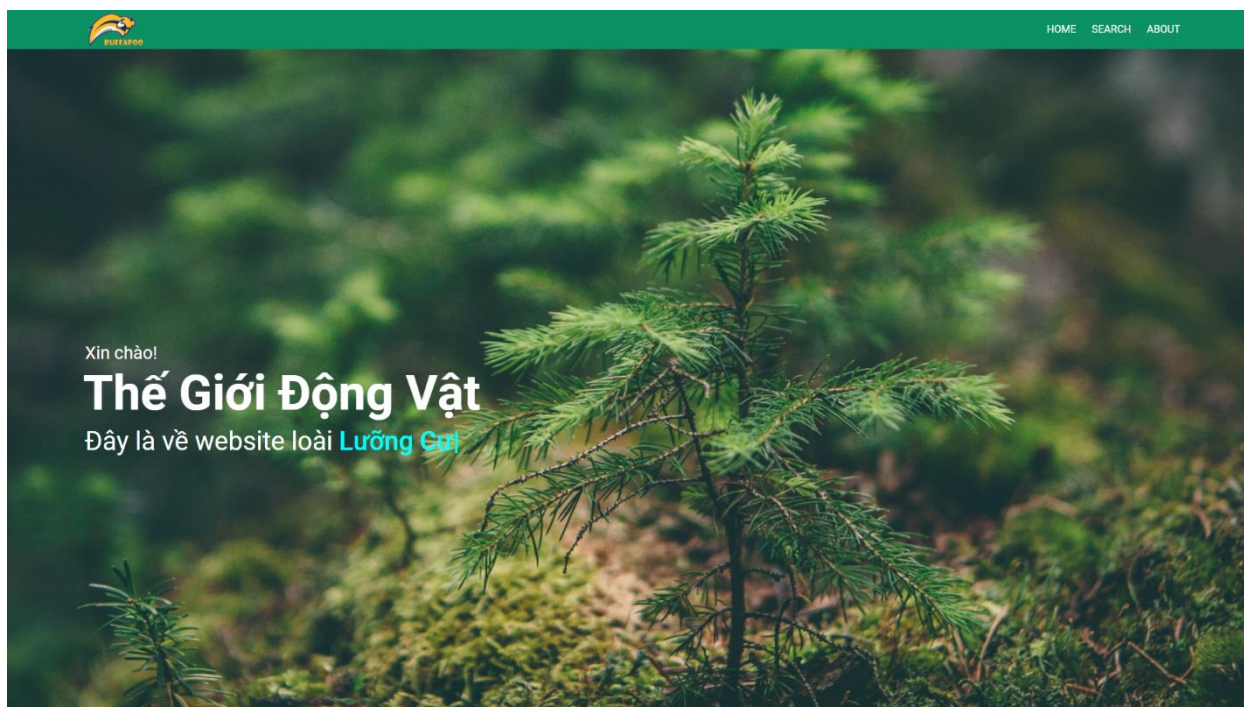
Trong phân loại sinh học, bậc là thứ tự tương đối của một sinh vật hay một nhóm sinh vật trong thể thống cấp bậc phân loại

Động vật (Animalia)	Động vật có dây sống (Chordata)	Reptilia (LAURENTI, 1768)	Squamata (OPPEL, 18411)	Pythonidae (Fitzinger, 1826)
---------------------	---------------------------------	---------------------------	-------------------------	------------------------------

Hình 6 Chi tiết loài vật

1.4. Giao diện trang About

Giao diện trang About cung cấp thông tin về từ điển BuffaPoo.



Hình 7 Trang About

2. Giao diện người quản trị (Admin)

2.1. Giao diện quản lý phân cấp sinh học

Giao diện quản lý phân cấp sinh học tại đây admin có thể thực hiện việc thêm và điều chỉnh các phân cấp sinh học của từ điển.

BuffaPoo

Taxonomy

Species

Search

Thêm mới

5	Hylarana erythraea (Schlegel, 1837)	Chàng xanh	Bù tot	68	SỬA	XÓA
6	Polypedates megacephalus Hallowell, 1861	Ếch cây mép trắng	Hót cổ	70	SỬA	XÓA
7	Calotes versicolor (Daudin, 1802)	Nhông xanh, Nhông hàng rào, Kì nhông	Kì nhông	78	SỬA	XÓA
8	Gehyra multilata (Weigmann, 1835)	Thằn lằn 4 móng	Thằn lằn nhà	79	SỬA	XÓA
9	Hemidactylus garnoti (Conant and Collins, 1991)	Thạch sùng garnot	Thằn lằn	79	SỬA	XÓA
10	Hemidactylus frenatus Schlegel in Duméril & Bibron	Thạch sùng đuôi sắn	Thạch sùng	79	SỬA	XÓA
12	Ichthyophis nuyenorum Nishikawa, Matsui, and Orio	Ếch giun nguyên	Rắn trùn đĩa	8	SỬA	XÓA
13	Fejervarya limnocharis (Gravenhorst, 1829)	Nhái Ngõa	Nhái	35	SỬA	XÓA
14	Fejervarya cancrivora (Gravenhorst, 1829)	Ếch cua	Ếch	35	SỬA	XÓA
15	Fejervarya sp.	Nhái com	Nhái com	35	SỬA	XÓA
16	Hoplobatrachus rugulosus (Wiegmann, 1834)	Ếch đồng	Ếch	35	SỬA	XÓA
17	Occidozyga lima (Gravenhorst, 1829)	Cóc nước sắn	Nhái bầu	25	SỬA	XÓA
18	Occidozyga marlensis (Peters, 1867)	Cóc nước marlen	Nhái nhót	35	SỬA	XÓA
19	Kaloula pulchra Gray, 1831	Ến ương	Ến ương	50	SỬA	XÓA

Hình 10 Giao diện quản lý chi tiết loài

Species > 1

THÔNG TIN SINH VẬT

THÔNG TIN

Tên khoa học

Ichthyophis nuyenorum Nishikawa, Matsui, and Orio

Tên tiếng Việt

Ếch giun nguyên

Tên địa phương

Rắn trùn đĩa haha

Họ

Ichthyophidae (Taylor, 1968)

MỨC ĐỘ BẢO TỒN

IUCN

LC (ít quan tâm)

VNRL

VU (bị đe dọa, sắp nguy cấp)

ND32

Không nằm trong danh mục bảo tồn

CITES

Không nằm trong danh mục

ĐẶC ĐIỂM

Đặc điểm hình thái

Đặc điểm chân loài: cơ thể tròn, da mặt bụng, chóp đuôi cùn, không có đốm màu, không có đốm màu vàng mặt bụng, đầu rộng nhất ở góc mép miệng, hẹp dần về trước, mắt tròn, lỗ mũi nằm gần bờ trước mép miệng, số vòng quanh thân: 312 – 318, sọc vàng rộng chạy liên tục từ sau mắt đến huyết (Nishikawa et al. 2012).
Đặc điểm hình thái: SVL 201,3 mm. Dài đuôi: 2,6 – 3,5, rộng đuôi: 2,8 – 3,5. Rộng đầu (HW): 6,6. Dài đầu hơn rộng đầu (HL:HW: 1,25-1,47). Cơ thể hơi tròn, dài, dạng rắn. Đầu dẹp, láng, rộng nhất ở mép miệng, heo về phía đầu. Mắt tròn, dài hơn bằng với ngang đầu ở vị trí mắt. Mắt nhỏ, không mi mắt, có một đôi râu (tentacle) ngắn nằm phía trước mắt. Hai bên thân có sọc màu vàng bắt đầu từ sau mép miệng đến lỗ huyết. Số nếp gấp quanh thân: 280 – 300; ở dưới: 7-8. Đuôi ngắn hơn da ở mắt bụng, phần đỉnh cùn, không có đốm màu cam hay vàng ở mắt bụng. Mắt lưng có màu tím đen, bụng màu hoa cà nhạt, hai bên sườn có sọc màu vàng liên

Đặc điểm sinh thái

Sống ở các vực nước (ao, vũng, ...) có nhiều bùn và lá mục, hay các khu vực đất nông nghiệp. Thức ăn gồm côn trùng, giun đất, nhện và những loài không xương sống nhỏ khác.

Sinh cảnh

Rừng tràm đặc dụng, rừng tràm trắng

TỌA ĐỘ

Coordinate S1

9 57 1639 N, 105 748 757 E

Coordinate S2

9 56 3858 N, 105 742 898 E

Coordinate S3

9 57 2843 N, 105 745 688 E

Coordinate S4

9 57 1639 N, 105 748 757 E

Coordinate S5

9 57 1639 N, 105 748 757 E

Địa điểm

Rừng Tràm Mỹ Phước, Mỹ Phước, Mỹ Tú, Sóc Trăng.

Phân bố

Phổ biến

TÌNH TRẠNG MẪU VẬT

Giá trị sử dụng

Chưa xác định

Tình trạng mẫu vật

Hình 11 Giao diện cập nhật một loài

9

THÔNG TIN SINH VẬT

THÔNG TIN	
Tên khoa học	
Tên tiếng Việt	
Tên địa phương	
Họ	Albanerpetontidae

MỨC ĐỘ BẢO TỒN	
IUCN	EX (tuyệt chủng)
VNRL	EX (tuyệt chủng)
ND32	Nhóm I: nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại, gồm những loài thực vật rừng, động vật rừng c
CITES	Phụ lục 1: các loài bị đe dọa tuyệt chủng và có thể bị ảnh hưởng do thương mại.

ĐẶC ĐIỂM	
Đặc điểm hình thái	
Đặc điểm sinh thái	
Sinh cảnh	

TỌA ĐỘ	
Coordinate S1	
Coordinate S2	
Coordinate S3	
Coordinate S4	
Coordinate S5	
Địa điểm	
Phân bố	Ít gặp

TÌNH TRẠNG MẪU VẬT	
Giá trị sử dụng	

Hình 12 Giao diện thêm mới một loài

CHƯƠNG IV. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được.

- Đối với người quản trị (Admin) hệ thống Website cung cấp các chức năng:
 - o Quản lý phân cấp sinh học: quản lý các giới, các ngành, các bộ, các họ và các lớp với các chức năng cơ bản như xem, sửa, xóa và thêm.
 - o Quản lý thông tin chi tiết các loài: thêm, sửa, xem và xóa.
- Đối với người dùng (Khách vãng lai) hệ thống Website cung cấp các chức năng:
 - o Tìm kiếm loài vật theo tên.
 - o Tìm kiếm cơ bản hoặc nâng cao.
 - o Xem thông tin chi tiết loài.
- Đối với bản thân, trong quá trình thiết kế hệ thống đã học và áp dụng được nhiều kiến thức:
 - o Học được nguyên tắc để thiết kế giao diện.
 - o Tùy chỉnh giao diện cho phù hợp hơn với yêu cầu sử dụng và trải nghiệm người dùng.
 - o Trong quá trình thiết kế suy nghĩ và tạo ra được những giao diện thân thiện.

2. Hướng phát triển.

- Hệ thống sẽ cần phát triển thêm một số tính năng để hoàn thiện hơn trong tương lai.
- Cập nhật thêm các tính năng cần thiết khác ví dụ như chức năng cho phép người dùng đóng góp thông tin vào từ điển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] **Phạm Thị Ngọc Diễm.** *Slide bài giảng tương tác người máy.*
- [2] **Đỗ Thanh Nghị.** *Giáo trình lập trình web.* Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, 2015.